



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 11531/2025/PKQ (25.10050)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI NYLON
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI NYLON - Lô B7,
Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ Coordinate
25.10050.KT.01	Hệ thống xử lý hơi dầu số 01 (nguồn số 01) CS 50.000 m ³ /h	X=1183588, Y=626932
25.10050.KT.02	Hệ thống xử lý hơi dầu số 02 (nguồn số 02) CS 50.000 m ³ /h	X=1183568, Y=626925
25.10050.KT.03	Hệ thống xử lý hơi dầu số 03 (nguồn số 03) CS 40.000 m ³ /h	X=1183541, Y=626918
25.10050.KT.04	Hệ thống xử lý hơi dầu số 04 (nguồn số 04) CS 40.000 m ³ /h	X=1183535, Y=626908
25.10050.KT.05	Hệ thống xử lý bụi số 01 (nguồn 05) - CS 15000 m ³ /h	X=1183524, Y=626605
25.10050.KT.06	Hệ thống xử lý bụi số 02 (nguồn 06) - CS 50000 m ³ /h	X=1183514, Y=626616

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 15/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 27/12/2025

7. Bảng kết quả/ Results table



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



• **Bảng 1/ Table 1:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.10050. KT.01	25.10050. KT.02	25.10050. KT.03	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	26.609	26.803	19.255	-
2	Methanol (Methyl alcohol) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	260

• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.10050. KT.04	25.10050. KT.05	25.10050. KT.06	Cmax ⁽¹⁾	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	24.270	26.255	-	-	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	-	25	128	-	-
3	Methanol (Methyl alcohol) ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	-	-	-	260

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

"-": Không quy định

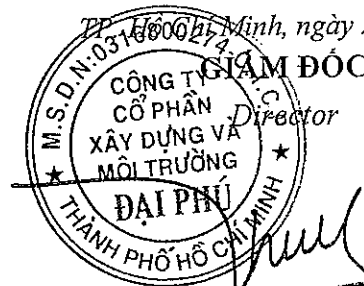
3. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

4. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY



Mã số/ Ref. No: 11538/2025/PKQ (25.10458)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI NYLON**
2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI NYLON - Lô B7, Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
3. Loại mẫu/ *Type of sample*: **Nước thải**
4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ <i>Sample code</i>	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ <i>Sampling locations</i>	Tọa độ/ <i>Coordinate</i>
25.10458.NT.01	Hồ ga trên đường N4	X=1183698, Y=409175

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / *Sample date (Sample receipt)*: 24/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 31/12/2025

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ <i>No.</i>	Thông số/ <i>Parameters</i>	Đơn vị/ <i>Unit</i>	Phương pháp thử nghiệm/ <i>Testing methods</i>	Kết quả/ <i>Testing result</i>	Tiêu chuẩn môi nước (thải) Đ IDICO
				25.10458.NT.01	Giới hạn cho phép
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,67	5,5 ÷ 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	11	200
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	64	400
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,1	200
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	<3	50
6	Tổng Nito ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 +SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023	9,24	60
7	Tổng Phosphor ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (MDL=0,01)	6
8	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Testing results in this test reports are valid only for the sample*
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ *This report will not be reproduced except in full, without approval of company*



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



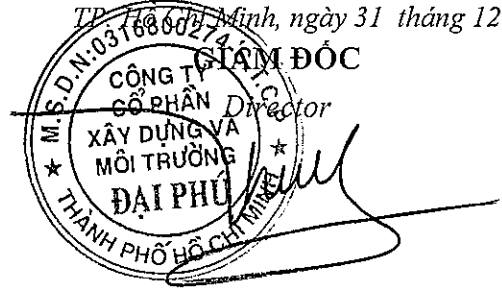
Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY

ĐP





Mã số/ Ref. No: 07559/2025/PKQ (25.6802)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI NYLON**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI NYLON - Lô B7, Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.6802.KT.01	Hệ thống xử lý bụi số 01 (nguồn 05) - CS 15000 m ³ /h	X=1183524, Y=626605
25.6802.KT.02	Hệ thống xử lý bụi số 02 (nguồn 06) - CS 50000 m ³ /h	X=1183514, Y=626616

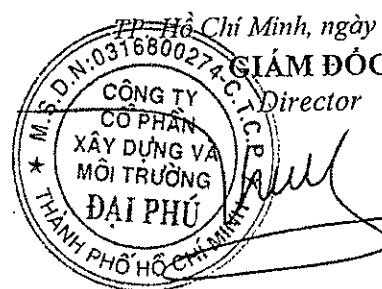
5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 16/09/2025
6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 24/09/2025
7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/BTNMT
				25.6802. KT.01	25.6802. KT.02	C _{max} ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	3.101	20.026	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	25	28	128

Chú thích/ Remarks:
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
"-": Không quy định
2. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



Mã số/ Ref. No: 05411/2025/PKQ (25.4923)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI NYLON**
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HYOSUNG ĐỒNG NAI NYLON - Lô B7, Đường N3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch V, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
- Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4923.KT.01	Hệ thống xử lý bụi số 01 (nguồn 05) - CS 15000 m ³ /h	X=1183524, Y=626605
25.4923.KT.02	Hệ thống xử lý bụi số 02 (nguồn 06) - CS 50000 m ³ /h	X=1183514, Y=626616

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 26/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4923. KT.01	25.4923. KT.02	C _{max} ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	6.992	25.187	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	23	29	128

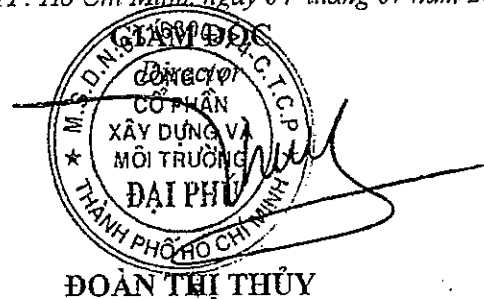
Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
"-": Không quy định
- (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY